

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Dự toán năm | Thực hiện 9 tháng đầu năm 2017 | So sánh (%) | |
|------------|--|----------------|--------------------------------|--------------|-------------------|
| | | | | Dự toán năm | Cùng kỳ năm trước |
| A | TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN | 60.000 | 92.044 | 153,4 | 187,5 |
| I | Thu cân đối NSNN | 47.390 | 33.726 | 71,2 | 137,4 |
| 1 | Thu nội địa | 47.390 | 33.726 | 71,2 | 137,4 |
| 2 | Thu viện trợ | | | | |
| II | Thu theo mục tiêu quản lý qua NSNN | 12.610 | 11.770 | 93,3 | 111,5 |
| III | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | | 46.548 | | 74,0 |
| B | TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN | 480.191 | 361.296 | 75,2 | 157,1 |
| I | Tổng chi cân đối ngân sách huyện | 467.581 | 350.222 | 74,9 | 157,9 |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | 26.784 | 49.716 | 185,6 | 190,2 |
| 2 | Chi thường xuyên | 432.057 | 297.599 | 68,9 | 152,5 |
| 3 | Dự phòng ngân sách | 8.740 | 2.717 | 31,1 | 518,0 |
| 4 | Chi nộp ngân sách cấp trên | | 190 | | |
| II | Chi mục tiêu quản lý qua NSNN | 12.610 | 11.074 | 87,8 | 134,4 |

Tuyên Hóa, ngày 13 tháng 10 năm 2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Nam Giang

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Dự toán năm | Thực hiện 9 tháng đầu năm 2017 | So sánh (%) | |
|-----------|---|---------------|--------------------------------|-------------|-------------------|
| | | | | Dự toán năm | Cùng kỳ năm trước |
| A | TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN | 60.000 | 45.495,75 | 75,8 | 89,2 |
| I | Thu nội địa | 60.000 | 45.495,75 | 75,8 | 89,2 |
| 1 | Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước | | | | |
| 2 | Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | | | | |
| 3 | Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh | 18.500 | 13.227,04 | 71,5 | 101,2 |
| 4 | Thuế thu nhập cá nhân | 1.200 | 736,39 | 61,4 | 101,6 |
| 5 | Thuế bảo vệ môi trường | | | | |
| 6 | Lệ phí trước bạ | 7.600 | 4.946,22 | 65,1 | 98,7 |
| 7 | Thu phí, lệ phí | 3.000 | 2.597,78 | 86,6 | 175,3 |
| 8 | Các khoản thu về nhà, đất | 10.790 | 8.120,86 | 75,3 | 93,5 |
| - | Thuế sử dụng đất nông nghiệp | | | | |
| - | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 10 | 04,00 | 40,0 | 96,6 |
| - | Thu tiền sử dụng đất | 9.030 | 6.606,19 | 73,2 | 105,1 |
| - | Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước | 1.750 | 1.510,67 | 86,3 | 63,1 |
| - | Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước | | | | |
| 9 | Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết | | | | |
| 10 | Thu khác ngân sách | 2.835 | 1.656,51 | 58,4 | 81,2 |
| 11 | Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác | | | | |
| 12 | Thu cố định tại xã | 965 | 989,56 | 102,5 | 122,1 |
| 13 | Thu cấp quyền khai thác khoáng sản | 2.500 | 1.451,41 | 58,1 | 82,7 |
| 14 | Thu theo mục tiêu quản lý qua NSNN | 12.610 | 11.769,99 | 93,3 | 67,5 |
| II | Thu viện trợ | | | | |
| B | THU NS HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP | 54.714 | 42.554,33 | 77,8 | 96,1 |
| 1 | Từ các khoản thu phân chia | 12.943 | 11.418,28 | 88,2 | 158,1 |
| 2 | Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100% | 41.771 | 31.136,06 | 74,5 | 84,0 |

Tuyên Hóa, ngày 13 tháng 10 năm 2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Nam Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Dự toán năm | Thực hiện 9 tháng, năm 2017 | So sánh (%) | |
|------------|--|----------------|-----------------------------|--------------|-------------------|
| | | | | Dự toán năm | Cùng kỳ năm trước |
| | TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN | 480.191 | 361.296 | 75,2 | 98,2 |
| A | CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN | 467.581 | 350.222 | 74,9 | 99,2 |
| I | Chi đầu tư phát triển | 26.784 | 49.716 | 185,6 | 100,6 |
| 1 | Chi đầu tư cho các dự án | 26.784 | 42.647 | 159,2 | 86,3 |
| 2 | Chi đầu tư phát triển khác | | 7.069 | | |
| II | Chi thường xuyên | 432.057 | 297.599 | 68,9 | 98,0 |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | |
| 1 | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề | 219.255 | 154.269 | 70,4 | 107,8 |
| 2 | Chi khoa học và công nghệ | | | | |
| 3 | Chi y tế, dân số và gia đình | 38.091 | 8.553 | 22,5 | 57,2 |
| 4 | Chi văn hóa thông tin | 1.623 | 1.339 | 82,5 | 105,1 |
| 5 | Chi phát thanh, truyền hình | 2.177 | 1.575 | 72,3 | 84,9 |
| 6 | Chi thể dục thể thao | 350 | 348 | 99,5 | |
| 7 | Chi bảo vệ môi trường | 3.913 | 3.882 | 99,2 | 131,0 |
| 8 | Chi hoạt động kinh tế | 18.095 | 1.468 | 8,1 | 111,8 |
| 9 | Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể | 32.273 | 26.708 | 82,8 | 113,0 |
| 10 | Chi bảo đảm xã hội | 30.482 | 37.038 | 121,5 | 85,3 |
| III | Dự phòng ngân sách | 8.740 | 2.717 | 31,1 | 186,3 |
| IV | Chi nộp ngân sách cấp trên | | 190 | | |
| B | CHI MỤC TIÊU QUẢN LÝ QUA NSNN | 12.610 | 11.074 | 87,8 | 75,1 |

Tuyên Hóa, ngày 13 tháng 10 năm 2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Nam Giang